

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:688/2023/DS-ST
Ngày: 20-12-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Ân.

2. Ông Vũ Huy Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 460/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 618/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở: 52-54 Bùi Thị Xuân, phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Giấy QĐTL số : 2539/QĐ-UB về việc cho phép thành lập Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã TP.HCM (Quỹ CCM) trực thuộc Liên Minh HTX TP.HCM;

Người đại diện: Ông Trần Ngọc Hưng, chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Kinh Thế ; Năm sinh : 1978 .

Địa chỉ: 50/4 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm: 1972.(có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: A3/48A ấp 1, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị D, sinh năm: 1967

Địa chỉ: A3/48A ấp 1, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.(có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI D V U Á N:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Kinh Thế trình bày:

Ngày 06/08/2019, Quỹ trợ vốn CCM – Chi nhánh Bình Tân đã ký hợp đồng liên kết số 011/2019/HĐLK-BT với Tổ hợp tác ấp 1A xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh TP.Hồ Chí Minh để làm Cấp liên nhiệm cho Quỹ trợ vốn CCM - Chi nhánh Bình Tân. Bà Đặng Thị Hương Lan– là người đại diện cho Tổ hợp tác ấp 1A xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh TP.Hồ Chí Minh ký Hợp đồng liên kết với Quỹ trợ vốn CCM – Chi

nhánh Bình Tân. Mục đích là hỗ trợ vốn cho các hộ dân thuộc Tổ hợp tác ấp 1A xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh TP.Hồ Chí Minh để chăn nuôi, sản xuất - kinh doanh – dịch vụ, mua bán nhỏ, ...theo sự giới thiệu và đề nghị của Cấp liên nhiệm.

Thông qua Hợp đồng này Quỹ trợ vốn CCM – Chi nhánh Bình Tân đã tiến hành trợ vốn cho 07 thành viên vào ngày 07/08/2020 (có danh sách ký nhận tiền đính kèm), phương thức trợ vốn: góp hàng tháng, thời hạn trợ vốn: 12 tháng, phí trợ vốn CCM: 0,6%/tháng (phí này dùng trang trải chi phí hoạt động nội bộ của quỹ CCM – gọi tắt là phí CCM), phí hoa hồng cho Cấp liên nhiệm: 0,15%/tháng (phí này để Cấp liên nhiệm trang trải các chi phí phục vụ cho quá trình thu hồi vốn phí, tiết kiệm cho Quỹ trợ vốn CCM - gọi tắt là phí CLN), tiết kiệm bắt buộc là: 1.0%/tháng (khoảng tiết kiệm này được hoàn trả cho thành viên xin trợ vốn khi hoàn tất hợp đồng vay vốn và Quỹ trợ vốn CCM không trả lãi tiết kiệm trên số dư tiết kiệm này).

Trong đợt trợ vốn ngày 07/08/2020 bà Trần Thị Ngọc D có làm đơn xin trợ vốn và được duyệt trợ vốn số tiền 25.000.000 đồng và bà D đã ký nhận tiền vào ngày này. Theo kế hoạch thì Bà D phải góp hàng tháng là: 2.550.000 đồng trong 11 tháng đầu, tháng cuối góp 2.200.000 đồng và góp đều cho đến ngày hết hạn hợp đồng là ngày 07/08/2021. Thế nhưng Bà Trần Thị Ngọc D không góp đúng theo kế hoạch ban đầu. Đến ngày 10/08/2023, Bà Trần Thị Ngọc D vẫn chưa hoàn trả hết số nợ cho Quỹ trợ vốn CCM. Tổng số tiền nợ 9.550.000 đồng, bao gồm nợ vốn: 8.428.000 đồng; Nợ lãi (phí) 1.122.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc Bà Trần Thị Ngọc D trả số tiền 9.550.000 đồng; nếu bà Trần Thị Ngọc D không trả hoặc trả không đầy đủ thì bà Trần Thị D là người bảo lãnh có nghĩa vụ trả thay cho bà Trần Thị Ngọc D.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 9.550.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu tính thêm khoản lãi, phí nào khác. Yêu cầu số tiền này được giữ nguyên trong suốt quá trình giải quyết vụ án và sau khi tuyên án, thi hành án.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai-Bị đơn bà Trần Thị Ngọc D trình bày:

Bà Trần Thị Ngọc D xác nhận nội D đơn khởi kiện là đúng; ngày 07/8/2020 bà có vay của Quỹ trợ vốn CCM số tiền 25.000.000 đồng; số tiền phải trả hàng tháng là 2.550.000 đồng; tuy nhiên do làm ăn khó khăn nên bà không thể tiếp tục trả lãi và gốc. Nay bà Ngọc D xác nhận còn nợ Quỹ trợ vốn CCM số tiền 9.550.000 đồng, bà đề nghị nguyên đơn cho bà trả mỗi tháng 200.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 01/01/2024 cho đến hết nợ. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai-người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D trình bày:

Bà Trần Thị D xác nhận lời trình bày của bà Trần Thị Ngọc D là đúng sự thật; bà xác nhận bà Ngọc D có vay 25.000.000 đồng và bà là người ký bảo lãnh cho bà Ngọc D; bà đồng ý và chịu trách nhiệm với nguyên đơn về việc bảo lãnh của mình. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội D vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bà Trần Thị Ngọc D và bà Trần Thị D có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn vào khoản 3 Điều 26; tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đại diện nguyên đơn ông Hoàng Kinh Thế; bà Trần Thị Ngọc D và bà Trần Thị D, tất cả đều có đơn xin giải quyết vắng mặt; Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[2]. Về nội D:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ quyết định số: 2539/QĐ-UB, ngày 13/6/2002 của chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh về việc phép thành lập Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã TP.HCM (Quỹ CCM) trực thuộc Liên Minh HTX TP.HCM;

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 21/11/2023 đại diện nguyên đơn ông Hoàng Kinh Thế yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Ngọc D có trách nhiệm phải hoàn trả toàn bộ số tiền nợ cho Quỹ CCM – Chi nhánh Bình Chánh, tổng cộng số tiền là 9.550.000 đồng; bao gồm 8.428.000 đồng nợ gốc và 1.122.000 đồng tiền phí; Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 9.550.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu tính thêm tiền lãi suất trong suốt quá trình giải quyết vụ án, sau khi tuyên án và thi hành án.

Nếu bà Trần Thị Ngọc D không trả hoặc trả không đầy đủ thì bà Trần Thị D là người bảo lãnh có trách nhiệm trả thay cho bà Trần Thị Ngọc D.

Bà Trần Thị Ngọc D và bà Trần Thị D đều xác nhận nội D đơn khởi kiện là đúng và đều thừa nhận còn nợ Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã TP.HCM số tiền 9.550.000 đồng.

[2.2]. Căn cứ đơn đề nghị trợ vốn của bà Trần Thị Ngọc D và bà Trần Ngọc D, đề ngày 30/7/2020; với nội D vay tiền để mở rộng nghề may, lãi suất 0.6%/tháng, thời hạn vay 12 tháng;

Căn cứ danh sách nhận trợ vốn kèm biên bản bàn giao ngày 07/8/2020 có ký nhận việc giao nhận tiền giữa các bên. Thể hiện bà Trần Thị Ngọc D được duyệt và ký nhận số tiền 25.000.000 đồng.

Như vậy, có cơ sở xác định Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh có cho bà Trần Thị Ngọc D vay số tiền 25.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng với lãi suất 0.6%/tháng.

[2.3] Xét tính hợp pháp của sự thỏa thuận cho vay giữa các bên: Hội đồng xét xử xét thấy: Về nội D và hình thức của đơn đề nghị trợ vốn giữa nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 117, 119 của Bộ luật dân sự năm 2015, người

tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định pháp luật nên có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[2.4]. Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên:

Ngày 07/8/2020 bà Trần Thị Ngọc D đã nhận đủ số tiền 25.000.000 đồng; theo thỏa thuận thì bà Trần Thị Ngọc D phải trả cho Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh mỗi tháng là 2.550.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận đủ số tiền vay thì bà D không thực hiện việc trả tiền gốc và tiền lãi hàng tháng theo thỏa thuận, cụ thể bà D chưa thanh toán hết cho nguyên đơn; đến nay bà D còn nợ số tiền 9.550.000 đồng, là bên vi phạm hợp đồng.

[2.5]. Căn cứ giấy báo nợ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì có cơ sở xác định bà Trần Thị Ngọc D đã nhận đủ số tiền vay và đã vi phạm thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ thanh toán; hiện bà Trần Thị Ngọc D còn nợ Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã TP.HCM số tiền 9.550.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6]. Xét yêu cầu về lãi suất: Sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Đối với mức lãi suất mà các bên thỏa thuận thì nguyên đơn có niềm yết công khai và báo cáo với Ngân hàng nhà nước Việt Nam theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà không cần phải điều chỉnh.

[2.7]. Đối với yêu cầu buộc bà Trần Thị D có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Trần Thị Ngọc D trong trường hợp bà Trần Thị Ngọc D thanh toán không đầy đủ hoặc không thanh toán:

Xét đơn đề nghị trợ vốn ngày 30/7/2020, giữa Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh và bà Trần Thị Ngọc D thì bà Trần Thị D có ký cam kết là người trả nợ thay cho bà Trần Thị Ngọc D.

Do bà Trần Thị Ngọc D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà Trần Thị D có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Trần Thị Ngọc D trong trường hợp bà Trần Thị Ngọc D không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ cho Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.8] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

[2.9] Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 9.550.000 đồng; Không yêu cầu tính lãi suất phát sinh trong suốt quá trình giải quyết vụ án và thi hành án.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự .

Điều 117, 119, 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 118 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc bà Trần Thị Ngọc D trả cho Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 9.550.000 (Chín triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng; trong đó bao gồm nợ gốc 8.428.000 đồng; Nợ lãi và phí liên nhiệm 1.122.000 đồng.

Trường hợp bà Trần Thị Ngọc D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả tiền cho nguyên đơn thì bà Trần Thị D có nghĩa vụ thực hiện việc trả nợ cho Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh theo cam kết bảo lãnh.

Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 9.550.000 đồng; Không yêu cầu tính lãi suất phát sinh trong suốt quá trình giải quyết vụ án và thi hành án.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Ngọc D chịu 477.500 (Bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Quỹ trợ vốn Xã viên - Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh được hoàn lại số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0020229 ngày 14/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM
- Các đương sự (4);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).



2 000011 493202

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Chiến